CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107007230
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.11.06 15:43:17+07'00'
Foxit PhantomPDF Version: 10.1.4

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO
TASECO AIR SERVICES JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số: 613 /2026/CBTT-AST
No.: 613 /2026/CBTT-AST

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026
Hanoi, November 6th, 2026

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-AST-ĐHĐCĐ ngày 06/11/2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco như sau:
Pursuant to Resolution No. 04/NQ-AST-ĐHĐCĐ dated November 6, 2026 of the General Meeting of Shareholders of Taseco Air Services Joint Stock Company, we hereby announce the following personnel changes at the Company:

I. Trường hợp miễn nhiệm:
I. Dismissals:

1. Ông: **LARS KJAER**
1. *Mr.* ***LARS KJAER***
- Chức vụ trước khi miễn nhiệm: Thành viên HĐQT.
- *Former position in the organization: Member of the Board of Directors.*
- Không còn đảm nhận chức vụ: Thành viên HĐQT.
- *Position no longer held: Member of the Board of Directors.*
- Sau khi miễn nhiệm, Ông Lars Kjaer không còn là người nội bộ của Công ty.
- *After the dismissal, Mr. Lars Kjaer is no longer an internal person of the company.*
- Lý do miễn nhiệm: Theo nguyện vọng cá nhân.
- *Reason for dismissal: At his own request.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: **06/11/2026.**
- *Effective date:* ***November 6, 2026.***

2. Ông: **Kim Hongjin**
2. *Mr.* ***Kim Hongjin***
- Chức vụ trước khi miễn nhiệm: Thành viên HĐQT.
- *Former position in the organization: Member of the Board of Directors.*
- Không còn đảm nhận chức vụ: Thành viên HĐQT.
- *Position no longer held: Member of the Board of Directors.*
- Sau khi miễn nhiệm, Ông Kim HongJin không còn là người nội bộ của Công ty.
- *After the dismissal, Mr. Kim HongJin is no longer an internal person of the company.*
- Lý do miễn nhiệm: Theo nguyện vọng cá nhân.
- *Reason for dismissal: At his own request.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: **06/11/2026.**
- *Effective date:* ***November 6, 2026.***

II. Trường hợp bổ nhiệm:
II. Appointments:

1. Ông: **HISASHI TASHIGAHARA**

*1. Mr. **HISASHI TASHIGAHARA***

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Không.
- *Former position in the organization: No.*
- Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên HĐQT.
- *Newly appointed position: Member of the Board of Directors.*
- Thời hạn bổ nhiệm: 2022 – 2027.
- *Term: 2022 – 2027.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: **06/11/2026.**
- *Effective date: **November 6, 2026.***

2. Ông: **TOMOHIRO OTA**

*2. Mr. **TOMOHIRO OTA***

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Không.
- *Former position in the organization: No.*
- Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên HĐQT.
- *Newly appointed position: Member of the Board of Directors.*
- Thời hạn bổ nhiệm: 2022 – 2027.
- *Term: 2022 – 2027.*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: **06/11/2026.**
- *Effective date: **November 6, 2026.***

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 06/11/2026 tại đường dẫn: https://tasecoairs.vn/thong-tin-co-dong.html.

This information was published on the company's website on November 6, 2026, as in the link: https://tasecoairs.vn/thong-tin-co-dong.html.

Tài liệu đính kèm:
Attached documents:
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-AST-ĐHĐCĐ ngày 06/11/2026;
- *General Meeting of Shareholders' Resolution No. 04/NQ-AST-ĐHĐCĐ dated November 6, 2026;*
- Bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
- *Information Disclosure Form as Appendix III issued with Circular No. 96/2020/TT-BTC.*

NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PERSON AUTHORIZED TO DISLOSURE INFORMATION
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

M.S.D.N: 0107007230 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Xuân Bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Nhật Bản, ngày 6 tháng 11 năm 2026
Japan, day 6, month 11, year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/*CURRICULUM VITAE*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên/*Full name*: **TOMOHIRO OTA**

2/ Giới tính/*Sex*: **Nam/Male**

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: **12/04/1979**

4/ Nơi sinh/*Place of birth*: **Nhật Bản/Japan**

5/ Số hộ chiếu/*Passport No.*: Ngày cấp/*Date of issue* Nơi cấp/*Place of issue* **Đại sứ quán Nhật Bản tại Philipin/EMBASSY OF JAPAN IN THE PHILIPPINES**

6/ Quốc tịch/*Nationality*: **Nhật Bản/Japan**

7/ Dân tộc/*Ethnic*: **Nhật Bản/Japanese**

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Organisation's name subject to information disclosure rules:* **Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco /Taseco Air Service Joint Stock Company**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Current position in an organization subject to information disclosure:* **Thành viên HĐQT/Member of the Board of Directors**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:*

- **Giám đốc/Director tại/at Tsutaya Books Malaysia Sdn. Bhd.**
- **Giám đốc/Director tại/at Royal Sojitz Vietnam Company Limited**

- **Giám đốc/Director tại/at Sojitz Royal Café Corporation**

14/ Số CP nắm giữ: 7.463.580, chiếm 13,82% vốn điều lệ, trong đó:/*Number of owning shares 7.463.580, accounting for 13,82% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):* **Sojitz Corporation**

+ Cá nhân sở hữu/*Owning by individual:* **0** cổ phần/shares chiếm/ representing 0% vốn điều lệ/ of the charter capital.

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): NA*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*/*List of affiliated persons of declarant:* **Như đính kèm/as attached**

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): NA*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Interest in conflict with public company, public fund (if any): NA*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI/
DECLARANT
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

太田智博

Tomohiro Ota

---

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019
Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

Stt *No.*	Mã CK *Securities symbol*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading accounts (if available)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if available)*	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ *Relationship with the company/ internal person*	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) *Type of documents (ID/ Passport/ Business Registration Certificate)*	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of shares owned at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ *Time the person became an affiliated person/ internal person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ *Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) *Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14))*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) *Notes (i.e. not in posession of a NSH No. and other notes)*
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	AST	Tomohiro Ota		Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*	Người nội bộ	Hộ chiếu/Passport			JPN		0	0%				
2	AST	Satoko Ota	N/A	Không có/NA	Vợ/Wife	Hộ chiếu/Passport			JPN		0	0%	06/11/2026			
3	AST	Itsuki Ota	N/A	Không có/NA	Con đẻ/ Biological children	Hộ chiếu/Passport			JPN		0	0%	06/11/2026			
4	AST	Iori Ota	N/A	Không có/NA	Con đẻ/ Biological children	Hộ chiếu/Passport			JPN		0	0%	06/11/2026			
5	AST	Katsumi Ota	N/A	Không có/NA	Bố đẻ/ Biological father	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			Đã già và không có hộ chiếu /They are elderly and do not have passports

Stt *No.*	Mã CK *Securities symbol*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading accounts (if available)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if available)*	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ *Relationship with the company/ internal person*	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) *Type of documents (ID/ Passport/ Business Registration Certificate)*	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of shares owned at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ *Time the person became an affiliated person/ internal person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ *Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) *Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14))*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) *Notes (i.e. not in posession of a NSH No. and other notes)*
6	AST	Kiyomi Ota	N/A	Không có/NA	Mẹ đẻ/ Biological mother	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			
7	AST	Yasushi Yoneyama	N/A	Không có/NA	Bố vợ/ Father-in-law	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			Đã già và không có hộ chiếu /They are elderly and do not have passports
8	AST	Keiko Yoneyama	N/A	Không có/NA	Mẹ vợ/ Mother-in-law	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			
9	AST	Sojitz Corporation		Không/No	Người nội bộ là TV HĐQT không điều hành/ Insider who is a non-executive member of the Board of Directors	Chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán/Securities trading code			VSD		14.927.160	27,64%	06/11/2026			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Nhật Bản ..., ngày ...6 tháng ..11 năm 2026
Japan ..., day ...6 month ...11 year ...2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/*CIRRICULLUM VITAE*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên/*Full name*: **HISASHI TESHIGAHARA**

2/ Giới tính/*Sex*: **Nam/Male**

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*: **06/07/1978**

4/ Nơi sinh/*Place of birth*: **Nhật Bản/Japan**

5/ Số Hộ chiếu)/*Passport No.*: Ngày cấp/*Date of issue* Nơi cấp/*Place of issue* **Nhật Bản/JAPAN**

6/ Quốc tịch/*Nationality*: **Nhật Bản/JAPAN**

7/ Dân tộc/*Ethnic*: **Nhật Bản/Japanese**

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Organisation's name subject to information disclosure rules:* **Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco /Taseco Air Service Joint Stock Company**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Current position in an organization subject to information disclosure:* **Thành viên HĐQT/Member of the Board of Directors**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:*

- **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Sojitz Corporation**
- **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Sojitz Fashion Co., Ltd.**
- **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Sojitz Commercial Development Corporation**

- **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Locust Inc.**
- **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Sojitz Royal Inflight Catering Co., Ltd.**
- **Giám đốc/Director tại SUSHI-TEN USA Inc.**

14/ Số CP nắm giữ: **7.463.580** chiếm **13,82%** vốn điều lệ, trong đó:*/Number of owning shares **7,463,580**, accounting for **13,82%** of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:*/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):* **Sojitz Corporation**

+ Cá nhân sở hữu/*Owning by individual:* **0** cổ phần/shares chiếm/ *representing* **0%** vốn điều lệ/ *of the charter capital.*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):NA*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*/*List of affiliated persons of declarant:* **Như đính kèm/*as attached***

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):NA*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Interest in conflict with public company, public fund (if any):NA*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI/
DECLARANT
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Hisashi Teshigahara

---

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019
Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

Stt *No.*	Mã CK *Securities symbol*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading accounts (if available)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if available)*	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ *Relationship with the company/ internal person*	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) *Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)*	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of shares owned at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ *Time the person became an affiliated person/ internal person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ *Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) *Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) *Notes (i.e. not in posession of a NSH No. and other notes)*
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	AST	Hisashi Teshigahara		Thành viên HĐQT/ *Chairman of the Board of Directors*	Người nội bộ	Hộ chiếu/*Passport*			JPN		0	0%				

2	AST	Sojitz Corporation		Không/No	Người nội bộ là TV HĐQT không điều hành	Chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán/Securities trading code			VSD			27,64%	06/11/2026			
3	AST	Sukeaki Teshigahara		Không/No	Bố đẻ/ Biological father	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			Đã già và không có hộ chiếu /They are elderly and do not have passports
4	AST	Tomoko Teshigahara		Không/No	Mẹ đẻ/ Biological mother	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			
5	AST	Yuji Inukai		Không/No	Bố vợ/ Father in law	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			
6	AST	Syuko Inukai		Không/No	Mẹ vợ/ Mother in law	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			
7	AST	Izumi Teshigahara		Không/No	Vợ/Wife	Hộ chiếu/*Passport*			JPN		0	0%	06/11/2026			
8	AST	Mizuki Teshigahara		Không/No	Con gái/ Daughter (Minor)	Hộ chiếu/*Passport*			JPN		0	0%	06/11/2026			
9	AST	Nazuna Teshigahara		Không/No	Con gái/ Daughter (Minor)	Hộ chiếu/*Passport*			JPN		0	0%	06/11/2026			